

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ
DU LỊCH PHÚ THỌ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Quốc Anh
Ông Nguyễn Chánh Lộc
Ông Hoàng Văn Bá

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Chánh Lộc
Ông Hoàng Văn Bá

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không. Có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Chánh Lộc
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Số: 696/VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015 từ trang 4 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 28 tháng 3 năm 2014 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là số liệu chưa kiểm toán và được trình bày chỉ cho mục đích so sánh.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

A handwritten signature of Trần Kim Long Hải.

Trần Kim Long Hải

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1503-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		298.168.050.968	348.858.172.372
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	52.562.097.003	59.104.977.300
1. Tiền	111		6.925.097.003	14.851.977.300
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.637.000.000	44.253.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		222.618.000.000	260.478.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	222.618.000.000	260.478.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.924.253.288	21.843.514.161
1. Phải thu khách hàng	131		1.079.424.700	736.346.100
2. Trả trước cho người bán	132		1.608.343.532	3.230.926.938
3. Các khoản phải thu khác	135	7	20.276.485.056	24.844.241.123
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.040.000.000)	(6.968.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		4.218.543.892	4.894.497.052
1. Hàng tồn kho	141	8	4.218.543.892	4.894.497.052
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.845.156.785	2.537.183.859
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.467.155.091	2.460.225.759
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		378.001.694	76.958.100
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		178.093.103.109	168.351.230.897
I. Tài sản cố định	220		80.112.599.780	78.103.240.959
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	63.760.424.348	68.922.720.922
- Nguyên giá	222		317.648.405.684	317.656.078.477
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(253.887.981.336)	(248.733.357.555)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	92.220.023	41.516.834
- Nguyên giá	228		29.408.431.101	29.314.031.101
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.316.211.078)	(29.272.514.267)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	16.259.955.409	9.139.003.203
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		85.856.508.263	77.363.616.780
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	29.223.410.000	29.223.410.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	64.573.275.000	55.738.275.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(7.940.176.737)	(7.598.068.220)
III. Tài sản dài hạn khác	260		12.123.995.066	12.884.373.158
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	11.182.095.066	11.942.473.158
2. Tài sản dài hạn khác	268		941.900.000	941.900.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		476.261.154.077	517.209.403.269

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌSố 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15
Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		212.553.677.656	202.106.306.639
I. Nợ ngắn hạn	310		211.166.577.269	201.070.206.259
1. Phải trả người bán	312		10.435.787.530	17.252.556.301
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	15.424.272.559	19.398.943.915
3. Phải trả người lao động	315		21.665.135.605	23.621.196.951
4. Các khoản phải trả, phải ngắn hạn nộp khác	319	17	78.366.131.912	81.240.767.802
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		85.275.249.663	59.556.741.290
II. Nợ dài hạn	330		1.387.100.387	1.036.100.380
1. Phải trả dài hạn khác	333		990.000.000	717.000.000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		397.100.387	319.100.380
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		263.707.476.421	315.103.096.630
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	263.707.476.421	315.103.096.630
1. Vốn điều lệ	411		183.890.257.886	183.890.257.886
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		79.817.218.535	33.978.509.625
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	97.234.329.119
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		476.261.154.077	517.209.403.269

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

- Ngoại tệ
- Đô la Mỹ ("USD")
- Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ

Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
	3.844	2.723
	21.923.110.429	21.923.110.429



Nguyễn Chánh Lộc
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán trưởng

Trương Thị Kim Phụng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	248.991.308.398	278.941.644.414
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.120.478.026	1.261.119.719
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		247.870.830.372	277.680.524.695
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	164.145.813.675	196.707.713.163
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		83.725.016.697	80.972.811.532
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	17.489.871.522	17.787.705.921
7. Chi phí tài chính	22		147.816.499	182.171
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.093.845	-
8. Chi phí bán hàng	24		9.832.233.416	1.017.052.930
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.014.846.039	7.586.840.069
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		84.219.992.265	90.156.442.283
11. Thu nhập khác	31	23	671.557.448	1.911.459.614
12. Chi phí khác	32	23	844.990.124	680.107.614
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	23	(173.432.676)	1.231.352.000
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		84.046.559.589	91.387.794.283
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	17.390.130.302	13.256.477.914
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		<u>66.656.429.287</u>	<u>78.131.316.369</u>



Nguyễn Chánh Lộc
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán trưởng

Trương Thị Kim Phụng
Người lập biểu

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌSố 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15
Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

Từ 01/01/2013

đến 30/6/2013

(Chưa kiểm toán)

CHỈ TIÊUMã
sốTừ 01/01/2014
đến 30/6/2014**I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Lợi nhuận trước thuế**

01 84.046.559.589 91.387.794.283

2. Điều chỉnh cho các khoản

Khấu hao tài sản cố định

02 12.809.822.520 15.838.790.986

Các khoản dự phòng

03 207.587.049 -

(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện

04 (1.206.766) 3.131.535

Lãi từ hoạt động đầu tư

05 (17.488.664.756) (17.783.164.345)

**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi
vốn lưu động**

08 79.574.097.636 89.446.552.459

Thay đổi các khoản phải thu

09 5.546.217.279 15.302.533.657

Thay đổi hàng tồn kho

10 675.953.160 (1.084.956.654)

Thay đổi các khoản phải trả

11 (17.929.649.192) (32.756.982.083)

Thay đổi chi phí trả trước

12 753.448.760 (2.240.337.325)

Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp

14 (22.657.978.525) (26.997.823.726)

Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh

16 (12.518.535.305) (19.354.144.362)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh

20 33.443.553.813 22.314.841.966

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản
dờ dang**

21 (11.688.284.099) (2.099.538.962)

**2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài
hạn khác**

22 - 22.727.273

3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác

23 (106.765.000.000) (95.395.000.000)

4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác

24 135.790.000.000 123.800.000.000

5. Thu lãi tiền gửi, cổ tức

27 17.488.664.756 17.783.164.345

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư

30 34.825.380.657 44.111.352.656

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**1. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và bên liên doanh**

36 (74.813.021.533) -

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính

40 (74.813.021.533) -

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)

50 (6.544.087.063) 66.426.194.622

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ

60 59.104.977.300 113.287.227.493

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ

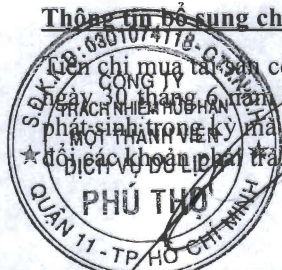
61 1.206.766 (3.131.535)

Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)

70 52.562.097.003 179.710.290.580

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Lãi chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 3.130.897.242 đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tại ngày 30 tháng 6 năm 2013: 0 đồng) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Nguyễn Chánh Lộc
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán trưởngTrương Thị Kim Phụng
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (gọi tắt là "Công ty") là một công ty được chuyển thể từ Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ, một doanh nghiệp nhà nước có số đăng ký kinh doanh 102303 do Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 01 năm 1993. Sau đó, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn số 4104000184 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 7 năm 2006. Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301074118 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 01 năm 2013.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 892 người (năm 2013: 848 người).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có các hoạt động hợp tác liên doanh sau:

Tên liên doanh	Hoạt động kinh doanh chính
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Nhà khách thể thao Thành phố Hồ Chí Minh	Hợp tác kinh doanh ăn uống và một số các dịch vụ khác tại Hoa viên Phú Thọ ở số 215C Lý Thường Kiệt, Phường 5, Quận 11 thuộc khu dịch vụ phục vụ Trung tâm Thể dục Thể thao Phú Thọ của Sở Thể Dục Thể thao Thành phố.
- Nhà đồng hợp tác kinh doanh với Nhà hàng Hoài Phố	Kinh doanh quán ăn "Hội An" tại Công viên Đầm Sen ở số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Bà Văn Thị Hoa	Đầu tư nâng cấp và tổ chức khai thác kinh doanh trò chơi "Đu quay đứng" tại Công viên Đầm Sen ở số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Ông Lê Tấn Cẩm	Đầu tư nâng cấp và tổ chức khai thác kinh doanh trò chơi "Khám phá thực tế ảo" tại Công viên Đầm Sen ở số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Ông Dương Phúc Lai	Hợp tác xây dựng và đưa vào kinh doanh loại hình trò chơi "Nhà hát mô phỏng không gian 3 chiều - 25 ghế" tại Công viên Đầm Sen ở số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	Hợp tác đầu tư và kinh doanh loại hình trò chơi "Công viên Khủng Long" tại Công viên Đầm Sen ở số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH TM & DV Hải Thanh	Hợp tác xây dựng mới Thủy Cung Đầm Sen tại Công viên Đầm Sen ở số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm các hoạt động sau đây:

- Tổ chức kinh doanh các dịch vụ du lịch vui chơi giải trí, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, dịch vụ du lịch sinh thái rừng ngập mặn;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng, ăn uống;
- Kinh doanh xông hơi xoa bóp, karaoke;
- Kinh doanh dịch vụ hót tóc; gội đầu;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế - nội địa;
- Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng;
- Đại lý bán vé máy bay – tàu lửa – tàu thủy;
- Đại lý đổi ngoại tệ;
- Dịch vụ về nhiếp ảnh;
- Kinh doanh bãi đậu xe;



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- Mua bán: hàng lưu niệm, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, lương thực thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, mỹ phẩm, hàng dệt may, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hoa, cá kiểng, động vật (chim, cá sấu, rắn, rùa);
- Quản lý dự án cho thuê xe có động cơ;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình vui chơi, giải trí; sửa chữa nhà;
- Trang trí nội thất;
- Quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản;
- Gây nuôi động vật hoang dã;
- Dịch vụ rửa xe;
- Tổ chức liên hoan, hội chợ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa; và
- Giữ rừng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	2 - 6
Phương tiện vận tải	3 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 3
Tài sản khác	2 - 3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu toàn bộ rủi ro về sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện chi phí đền bù nhà và giải phóng mặt bằng và phần mềm quản lý được ghi nhận ban đầu theo giá mua hay giá đền bù và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Chi phí đền bù nhà và giải phóng mặt bằng
Phần mềm quản lý

5

2

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Vào các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết: Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Góp vốn liên doanh: Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌSố 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15
Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.549.200.421	1.600.752.332
Tiền gửi ngân hàng	5.375.896.582	13.251.224.968
Các khoản tương đương tiền	45.637.000.000	44.253.000.000
	<u>52.562.097.003</u>	<u>59.104.977.300</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng và hưởng lãi suất hàng năm từ 5% đến 6% (năm 2013: lãi suất từ 8% đến 9%/năm).

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam với kỳ hạn từ 06 tháng đến 01 năm tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,9%/năm tới 8%/năm (năm 2013: từ 9% đến 12%/năm).

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu của Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen	10.960.656.948	10.960.656.948
Dự thu lãi tiền gửi kỳ hạn	8.619.801.758	8.191.541.459
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	-	4.534.193.600
Phải thu khác	696.026.350	1.157.849.116
	<u>20.276.485.056</u>	<u>24.844.241.123</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.639.217.167	3.015.971.574
Hàng hóa	1.579.326.725	1.878.525.478
	<u>4.218.543.892</u>	<u>4.894.497.052</u>

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU B 09-DN

100

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	153.785.646.004	141.034.288.238	20.746.787.499	1.428.297.463	661.059.273	317.656.078.477
Tăng trong kỳ	-	551.599.272	3.248.892.727	-	-	3.800.491.999
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.802.072.331	1.264.805	-	-	-	3.803.337.136
Thanh lý, nhượng bán	(1.271.663.310)	(6.149.754.336)	(190.084.282)	-	-	(7.611.501.928)
Tại ngày 30/6/2014	156.316.055.025	135.437.397.979	23.805.595.944	1.428.297.463	661.059.273	317.648.405.684
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	96.996.047.054	131.359.026.614	18.418.302.415	1.317.977.703	642.003.769	248.733.357.555
Khấu hao trong kỳ	7.272.667.072	4.028.236.566	1.421.832.057	27.056.670	16.333.344	12.766.125.709
Thanh lý, nhượng bán	(1.271.663.310)	(6.149.754.336)	(190.084.282)	-	-	(7.611.501.928)
Tại ngày 30/6/2014	102.997.050.816	129.237.508.844	19.650.050.190	1.345.034.373	658.337.113	253.887.981.336
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2014	53.319.004.209	6.199.889.135	4.155.545.754	83.263.090	2.722.160	63.760.424.348
Tại ngày 31/12/2013	56.789.598.950	9.675.261.624	2.328.485.084	110.319.760	19.055.504	68.922.720.922

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 196.663.251.727 đồng (tới ngày 31 tháng 12 năm 2013: 182.844.253.282 đồng).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌSố 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15
Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý VND	Chi phí đền bù nhà và giải phóng mặt bằng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	1.789.282.374	27.524.748.727	29.314.031.101
Tăng trong kỳ	94.400.000	-	94.400.000
Tại ngày 30/6/2014	1.883.682.374	27.524.748.727	29.408.431.101
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	1.747.765.540	27.524.748.727	29.272.514.267
Khấu hao trong kỳ	43.696.811	-	43.696.811
Tại ngày 30/6/2014	1.791.462.351	27.524.748.727	29.316.211.078
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2014	92.220.023	-	92.220.023
Tại ngày 31/12/2013	41.516.834	-	41.516.834

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 29.248.731.101 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 29.206.709.101 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Bao gồm các công trình:		
Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp các hạng mục thuộc Công viên Đầm Sen	3.218.906.714	5.605.937.153
Cải tạo, sửa chữa Nhà hàng Thủy tạ Đầm Sen	10.605.092.802	2.040.487.179
Cải tạo sửa chữa Khu du lịch Sinh thái Rừng ngập mặn Vàm Sát	413.045.048	1.037.747.770
Cải tạo sửa chữa Khách sạn Phú Thọ	947.573.219	40.904.218
Cải tạo mở rộng nhà hàng Phong Lan	603.796.000	204.333.654
Cải tạo sửa chữa Khách sạn Ngọc Lan	359.559.808	44.599.536
Công trình khác	111.981.818	164.993.693
	16.259.955.409	9.139.003.203

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	29.223.410.000	29.223.410.000

Thông tin về công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	Số 3, Hòa Bình, Phường 3, Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh	33,54%	Dịch vụ giải trí, vui chơi, ăn uống và các dịch vụ khác

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌSố 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15
Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi trung hạn		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quận 11	16.575.000.000	16.575.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	8.500.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quận 5	10.335.000.000	3.000.000.000
Góp vốn kinh doanh		
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Đà Lạt	23.163.275.000	23.163.275.000
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đông Hà	6.000.000.000	6.000.000.000
	<u>64.573.275.000</u>	<u>55.738.275.000</u>

14. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đông Hà	1.554.175.187	1.196.680.108
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Đà Lạt	6.386.001.550	6.401.388.112
	<u>7.940.176.737</u>	<u>7.598.068.220</u>

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Khấu hao Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen (*)	6.995.003.594	6.995.003.594
Công cụ, dụng cụ	2.830.664.933	4.046.637.170
Sửa chữa lớn tài sản cố định	358.417.851	737.087.235
Khác	998.008.688	163.745.159
	<u>11.182.095.066</u>	<u>11.942.473.158</u>

(*) Đây là chi phí của Công ty phát sinh trong giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2007 của Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen được thành lập theo Hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt nhưng đã ngừng hoạt động. Công ty tận dụng để cho thuê mặt bằng trong quá trình giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh của Hợp đồng góp vốn liên doanh này và khoản doanh thu cho thuê phát sinh tương ứng đang được ghi nhận vào khoản phải trả khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền là 29.080.056.313 đồng.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	3.564.447.180	2.335.088.298
Thuế tiêu thụ đặc biệt	174.588.314	192.929.175
Thuế thu nhập cá nhân	32.210.600	63.505.509
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.539.007.270	16.806.855.493
Các loại thuế khác	114.019.195	565.440
	<u>15.424.272.559</u>	<u>19.398.943.915</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌSố 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15
Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận phải trả cho công ty mẹ (*)	42.354.383.512	42.513.021.533
Các khoản phải trả liên quan đến Hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt (**)	29.080.056.313	29.080.056.313
Ký quỹ ngắn hạn	3.079.625.160	4.333.145.500
Giá trị bảo hành của các hợp đồng xây dựng	1.578.108.321	1.378.685.477
Phải trả lợi nhuận chia theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Nhà khách Thể thao TP. Hồ Chí Minh	555.643.801	1.175.175.005
Nhận góp vốn liên doanh theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh với Nhà khách Thể thao TP. Hồ Chí Minh (***)	325.011.047	363.463.426
Phải trả doanh thu chia từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kiểm soát (****)	531.697.567	498.533.541
Các khoản phải trả, phải nộp khác	861.606.191	1.898.687.007
	78.366.131.912	81.240.767.802

(*) Chi tiết số dư phải trả Tổng công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (công ty mẹ) như sau:

	30/6/2014
	<u>VND</u>
Chuyển lợi nhuận bổ sung năm 2012 về công ty mẹ	29.233.132
Chuyển lợi nhuận bổ sung năm 2013 về công ty mẹ	14.014.384.308
Chuyển lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2014 về công ty mẹ	28.310.766.072
	42.354.383.512

(**) Chi tiết các khoản phải trả liên quan đến Hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu cho thuê mặt bằng tại số 3, Hòa Bình, Phường 3	27.809.090.884	27.809.090.884
Doanh thu kinh doanh Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen	1.170.965.429	1.170.965.429
Lãi vay phải trả	100.000.000	100.000.000
	29.080.056.313	29.080.056.313

(***) Đây là khoản nhận góp vốn liên doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Nhà khách Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, một liên doanh tài sản đồng kiểm soát mà Công ty là bên thực hiện kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh. Kết quả kinh doanh của liên doanh được phản ánh dựa trên lợi nhuận được chia.

(****) Đây là doanh thu chia từ các hợp đồng kinh doanh dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát mà Công ty là bên thực hiện kế toán hợp đồng kinh doanh. Kết quả kinh doanh của liên doanh được phản ánh dựa trên doanh thu và chi phí mà mỗi bên tham gia liên doanh phải gánh chịu.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Số 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15
Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	183.890.257.886	2.662.312	23.833.822.018	101.420.252.954	309.146.995.170
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	121.834.406.199	121.834.406.199
Phân chia lợi nhuận cho bên liên doanh	-	-	-	(11.837.785.111)	(11.837.785.111)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	10.142.025.295	(10.142.025.295)	-
Kết chuyển sang quỹ đầu tư phát triển	-	33.975.847.313	(33.975.847.313)	-	-
Trích phí phục vụ phải trả công nhân viên	-	-	-	(11.446.982.512)	(11.446.982.512)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(25.080.515.583)	(25.080.515.583)
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	-	-	-	(67.513.021.533)	(67.513.021.533)
Số dư tại ngày 31/12/2013	183.890.257.886	33.978.509.625	-	97.234.329.119	315.103.096.630
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	66.656.429.287	66.656.429.287
Phân chia lợi nhuận cho bên liên doanh	-	-	-	(4.886.170.931)	(4.886.170.931)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	45.838.708.910	-	(45.838.708.910)	-
Trích phí phục vụ phải trả công nhân viên	-	-	-	(5.980.715.470)	(5.980.715.470)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(32.324.258.115)	(32.324.258.115)
Chuyển lợi nhuận bổ sung năm 2012 về công ty mẹ	-	-	-	(29.233.132)	(29.233.132)
Chuyển lợi nhuận năm 2013 về công ty mẹ	-	-	-	(46.314.384.308)	(46.314.384.308)
Chuyển lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2014 về công ty n	-	-	-	(28.310.766.072)	(28.310.766.072)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(206.521.468)	(206.521.468)
Số dư tại ngày 30/6/2014	183.890.257.886	79.817.218.535	-	-	263.707.476.421

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌSố 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15
Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐTV của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ ban hành ngày 30 tháng 3 năm 2015, Hội đồng Thành viên đã thống nhất việc phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2013 sau khi trừ phí phục vụ và chia lãi hợp tác kinh doanh như sau: Trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành với số tiền tương ứng là 29.170.298.736 đồng, 21.589.443.504 đồng và 160.202.571 đồng; Lợi nhuận còn lại phải nộp cho Nhà nước với số tiền là 46.314.384.308 đồng.

Theo Nghị quyết số 80/NQ-HĐTV của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ ban hành ngày 30 tháng 3 năm 2015, Hội đồng Thành viên đã thống nhất việc phân phối lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu của năm 2014 sau khi trừ phí phục vụ và chia lãi hợp tác kinh doanh như sau: Trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành với số tiền tương ứng là 16.665.162.048 đồng, 10.488.287.040 đồng và 86.325.000 đồng; Lợi nhuận còn lại phải nộp cho Nhà nước với số tiền là 28.310.766.072 đồng.

Tại ngày lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã hoàn tất việc phân phối các quỹ theo như các nghị quyết nêu trên.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301074118 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 01 năm 2013, vốn điều lệ Công ty là 183.890.257.886 đồng, đã được góp đủ:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp tại ngày 30/6/2014 và 31/12/2013
	VND	%	VND
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên	183.890.257.886	100%	183.890.257.886

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán)
	VND	VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu ăn uống	97.541.836.982	118.708.999.661
Doanh thu vui chơi giải trí	121.856.741.635	128.606.693.342
Doanh thu phí phục vụ	9.346.455.299	10.710.838.729
Doanh thu phòng	4.437.286.809	4.259.434.088
Doanh thu lữ hành	6.908.212.744	6.507.026.515
Doanh thu bán hàng hóa	4.222.921.053	5.150.260.646
Doanh thu dịch vụ xoa bóp	4.202.756.052	4.738.553.977
Doanh thu đại lý vé máy bay	475.097.824	259.837.456
	248.991.308.398	278.941.644.414
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(1.120.478.026)	(1.261.119.719)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	247.870.830.372	277.680.524.695
<i>Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ</i>	<i>243.647.909.319</i>	<i>272.530.264.049</i>
<i>Doanh thu thuần về bán hàng</i>	<i>4.222.921.053</i>	<i>5.150.260.646</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn kinh doanh ăn uống	74.154.358.833	89.110.370.798
Giá vốn kinh doanh vui chơi giải trí	73.637.533.352	90.425.757.504
Giá vốn phí phục vụ	1.678.871.363	2.030.989.115
Giá vốn kinh doanh phòng	3.608.075.966	3.671.437.533
Giá vốn kinh doanh lữ hành	6.956.401.608	6.225.430.934
Giá vốn bán hàng hóa	2.292.976.689	2.864.634.205
Giá vốn dịch vụ xoa bóp	1.352.257.196	2.125.871.616
Giá vốn đại lý vé máy bay	465.338.668	253.221.458
	<u>164.145.813.675</u>	<u>196.707.713.163</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.655.201.997	56.879.470.633
Chi phí nhân công	51.802.671.433	59.449.062.533
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.809.822.520	15.838.790.986
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.332.032.015	26.863.056.035
Chi phí khác	42.393.165.165	46.281.225.975
	<u>180.992.893.130</u>	<u>205.311.606.162</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ tức được chia	6.801.290.400	6.801.290.400
Lãi tiền gửi	10.687.374.356	10.981.873.945
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.206.766	4.541.576
	<u>17.489.871.522</u>	<u>17.787.705.921</u>



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌSố 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15
Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán)
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	22.727.273
Khác	671.557.448	1.888.732.341
Thu nhập khác	671.557.448	1.911.459.614
Khác	844.990.124	680.107.614
Chi phí khác	844.990.124	680.107.614
Lợi nhuận khác	(173.432.676)	1.231.352.000

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán)
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	84.046.559.589	91.387.794.283
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(5.905.499.032)	(6.005.261.120)
Trừ: - Thu nhập không chịu thuế	(6.801.290.400)	(6.801.290.400)
Cộng: - Các khoản chi phí không được khấu trừ	895.791.368	796.029.280
Thu nhập chịu thuế	78.141.060.557	85.382.533.163
Thuế suất thông thường	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.191.033.323	13.256.477.914
Bổ sung thuế TNDN của giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013	199.096.979	-
Tổng chi phí thuế TNDN ghi nhận trong kỳ	17.390.130.302	13.256.477.914

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 (năm 2013: 25%).

Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2013, Công ty tạm trích thuế thu nhập doanh nghiệp bằng cách ước tính tỷ lệ lợi nhuận trước thuế là 19% tính trên doanh thu thuần trong kỳ. Số lợi nhuận ước tính này sẽ được nhân với thuế suất 25% để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp cần được ghi nhận.

Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc phải trả được ghi nhận vì không có khoản chênh lệch đáng kể nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trong báo cáo tài chính và căn cứ tính thuế được sử dụng trong việc tính lợi nhuận chịu thuế.

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌSố 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15
Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.562.097.003	59.104.977.300
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.922.707.257	14.324.867.896
Các khoản ký quỹ	941.900.000	941.900.000
Tổng cộng	63.426.704.260	74.371.745.196
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	10.435.787.530	17.252.556.301
Tổng cộng	10.435.787.530	17.252.556.301

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tại 30/6/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.562.097.003	-	52.562.097.003
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.922.707.257	-	9.922.707.257
Các khoản ký quỹ	-	941.900.000	941.900.000
Tổng cộng	62.484.804.260	941.900.000	63.426.704.260
Phải trả người bán	10.435.787.530	-	10.435.787.530
Tổng cộng	10.435.787.530	-	10.435.787.530
Chênh lệch thanh khoản thuần	52.049.016.730	941.900.000	52.990.916.730
Tại 31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.104.977.300	-	59.104.977.300
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.324.867.896	-	14.324.867.896
Các khoản ký quỹ	-	941.900.000	941.900.000
Tổng cộng	73.429.845.196	941.900.000	74.371.745.196
Phải trả người bán	17.252.556.301	-	17.252.556.301
Tổng cộng	17.252.556.301	-	17.252.556.301
Chênh lệch thanh khoản thuần	56.177.288.895	941.900.000	57.119.188.895

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên
Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Hoạt động tài chính	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán) VND
Chuyển lợi nhuận về cho công ty mẹ	74.813.021.533	-
Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	6.801.290.400	6.801.290.400

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌSố 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15
Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán) VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	798.479.000	926.194.000

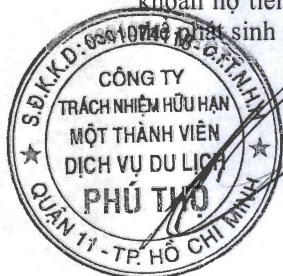
Sổ dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2014 VND
Các khoản phải thu khác		
Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	-	4.534.193.600
Các khoản phải trả khác		
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên	42.354.383.512	42.513.021.533
Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen	369.787.500	205.037.727

27. NỢ TIỀM TÀNG

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng góp vốn liên doanh thành lập Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen, Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt ký hợp đồng thuê tài sản từ một công ty cho thuê tài chính. Năm 1999, Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt và công ty cho thuê tài chính đã xảy ra tranh chấp liên quan đến hợp đồng thuê tài sản đó. Theo Bản án số 02/2010/KDTM-PT ngày 12 tháng 01 năm 2010 do Tòa án Nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định, Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chịu trách nhiệm liên đới trong việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính. Sau đó, Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ đã nộp đơn kháng cáo lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý.

Vụ án được Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vào ngày 13 tháng 12 năm 2013. Theo đó, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án số 1457/2013/KDTM-ST quyết định Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ có trách nhiệm liên đới trong việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính. Ngày 06 tháng 01 năm 2014, Công ty tiếp tục nộp đơn kháng cáo lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2014, Tòa án Nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án để chờ kết quả định giá tài sản tranh chấp của Công ty Tư vấn và Thẩm định giá Đông Nam và Tòa án sẽ tiếp tục giải quyết vụ án kinh doanh thương mại này khi lý do tạm đình chỉ không còn. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chưa nhận được quyết định cuối cùng của tòa án về khoản nợ tiềm tàng trong việc tranh chấp này, do đó Công ty chưa ghi nhận các khoản nợ tiềm tàng có phát sinh với các bên liên quan tại ngày lập báo cáo tài chính này.



Nguyễn Chánh Lộc
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán trưởng

Trương Thị Kim Phụng
Người lập biểu